

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11-5-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1978; địa chỉ: 30A1/15 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông H có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim P1, sinh năm 1973; địa chỉ: 27 đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà P1 có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông Trần Minh H trình bày:

Ông và bà Trần Thị Kim P1 chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến ngày 18-11-2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Trần Thị Kim P1 hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc. Vì vậy, từ cuối năm 2017 cho đến nay, cả hai đã sống ly thân. Hiện tại đời sống chung vợ chồng không thể hòa hợp, bản thân ông nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với

bà Trần Thị Kim P1 được nữa. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Kim P1.

Ông và bà Trần Thị Kim P1 có một con chung là cháu Trần Tâm N, sinh ngày 05-10-2007. Từ nhỏ đến nay, con ở với bà Trần Thị Kim P1. Khi ly hôn, ông chấp nhận giao con chung cho bà Trần Thị Kim P1 được trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Bị đơn là bà Trần Thị Kim P1 trình bày:

Bà và ông Trần Minh H chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến ngày 18-11-2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Trần Minh H chung sống hạnh phúc; đến đầu năm 2017 cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp nhau về tính cách. Đồng thời, từ tháng 3 năm 2017 ông Trần Minh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, lúc bà phát hiện thì người phụ nữ này đã mang thai 2 tháng; vì quá xấu hổ với bà, gia đình và hàng xóm nên ông Trần Minh H đã bỏ đi qua rẫy ở Bản Đôn để sinh sống. Đến nay, cả hai không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau; ông Trần Minh H yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Bà và ông Trần Minh H có một con chung là cháu Trần Tâm N, sinh ngày 05-10-2007. Từ năm 2017 cho đến nay, con ở chung với bà nên khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi con. Từ năm 2017 đến năm 2019, bà không nhận được bất kỳ khoản tiền cấp dưỡng nào từ ông Trần Minh H; tuy nhiên bà không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng cho con bởi vì từ năm 2020 bà và ông Trần Minh H đã thống nhất với nhau là lấy tiền cho thuê đất rẫy tại huyện Chư Prông để mua thuốc chữa bệnh, chăm lo ăn uống và học hành cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh H.

Ông Trần Minh H ly hôn bà Trần Thị Kim P1.

Giao cháu Trần Tâm N cho bà Trần Thị Kim P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Trần Minh H cấp dưỡng cho cháu Trần Tâm N 3.000.000 đồng/tháng.
Ông Trần Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Ông Trần Minh H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Kim P1 và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của ông Trần Minh H đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim P1 cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 16-5-2022, ông Trần Minh H không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn là bà Trần Thị Kim P1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1 đăng ký kết hôn ngày 18-11-2008 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của ông Trần Minh H về việc ly hôn bà Trần Thị Kim P1 là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1 có một con chung là cháu Trần Tâm N, sinh ngày 05-10-2007.

Bà Trần Thị Kim P1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; tại đơn trình bày ngày 09-6-2022, cháu Trần Tâm N có nguyện vọng được ở với bà Trần Thị Kim P1 sau khi cha mẹ ly hôn; nguyện vọng của bà Trần Thị Kim P1 và cháu

Trần Tâm N là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con. Bà Trần Thị Kim P1 có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Tâm N cho bà Trần Thị Kim P1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông Trần Minh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Trần Tâm N mỗi tháng 3.000.000 đồng; việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 11-5-2023 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:

Tại Đơn đề nghị xin vắng mặt phiên toà ngày 09-5-2023, bà Trần Thị Kim P1 trình bày:

“...Ngày 17-5-2022, Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý vụ án số 340/2022/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, do nguyên đơn là ông Trần Minh H. Sau đó Tòa án nhân dân thành phố P lại có Quyết định số 49/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04-4-2023 về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về “Chia tài sản khi ly hôn” của vụ án như đã thụ lý ở trên và đưa vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” ra xét xử vào lúc 14 giờ ngày 11-5-2023.

Chính vì những lý do của nguyên đơn là ông Trần Minh H, không mang tính thuyết phục khi khởi kiện ly hôn và có dấu hiệu tẩu tán tài sản, nếu không muốn nói là cố tình chiếm đoạt tài sản trong quá trình hôn nhân. Vì vậy, tôi thiết tha đề nghị quý tòa và Thẩm phán Cao Thị Thanh Huyền, đình chỉ vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” được đưa ra xét xử vào lúc 14 giờ ngày 11-5-2023; mà xử vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, như đã thụ lý vào ngày 17-5-2022”.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 29-3-2023, nguyên đơn là ông Trần Minh H rút yêu cầu giải quyết về chia tài sản khi ly hôn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về “Chia tài sản khi ly hôn” trong vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 17-5-2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04-4-2023.

Trong trường hợp ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1 không tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản, ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Kim P1 đề nghị: “Toà án đình chỉ vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” mà xử vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, như đã thụ lý vào ngày 17-5-2022” là không có căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đình chỉ vụ án của bà Trần Thị Kim P1; đồng thời, Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung của ông Trần Minh H và bà Trần Thị Kim P1.

[3] Về án phí: Ông Trần Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.

1.1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh H ly hôn bà Trần Thị Kim P1.

1.2. Về con: Giao cháu Trần Tâm N cho bà Trần Thị Kim P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Tâm N thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Minh H về việc cấp dưỡng cho cháu Trần Tâm N mỗi tháng 3.000.000 đồng; việc cấp dưỡng được ông Trần Minh H thực hiện từ ngày 11-5-2023 cho đến khi cháu Trần Tâm N thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Trần Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001702 ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Trần Minh H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Minh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 11-5-2023. Bà Trần Thị Kim P1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
 - Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
 - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
 - Các đương sự;
 - UBND phường D, thành phố P
- (GCNKH số 106, đăng ký ngày 18-11-2008);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền